TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 466/2023/DS-PT
Ngày: 28/8/2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân.**
Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải;**
Ông **Võ Ngọc Giàu.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Phan Thị Thanh Xuân -** Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 509/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965 (vắng mặt)

1.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 30/8/2022)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

2.2. Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Văn T, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: A10/26D8 Tổ 76, Ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Võ Văn Đ, Hồ Thị Hoàng O.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Trần Thị H (ông N ủy quyền cho bà H) trình bày:*

Nguyên vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Võ Văn Đ, bà Hồ Thị Hoàng O vay số tiền 60.500.000 đồng vào ngày 29/02/2009, khi vay có làm biên nhận nợ, vợ chồng ông Đ, bà O đều có ký tên vào biên nhận. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 07%/ tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng (tức đến ngày 29/5 trả), mỗi lần trả là 5.000.000 đồng cho đến khi xong số nợ.

Từ khi làm biên nhận vay tiền cho đến nay phía bị đơn không trả vốn và lãi cho ông, bà.

Nay ông, bà yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O cùng trách nhiệm trả số tiền nợ là 60.500.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Võ Văn Đ, bà Hồ Thị Hoàng O trình bày:*

Nguyên ông, bà và ông N, bà H là hàng xóm láng giềng với nhau. Từ trước đến nay ông, bà không có vay mượn tiền của ông N, bà H. Ông, bà xác định tờ giấy biên nhận mà bà H, ông N cung cấp cho Tòa án là giả, ông, bà không có làm giấy tờ biên nhận nào và cũng không có ký tên vào giấy biên nhận nào cho bà H, ông N cả. Ông, bà xác định không nợ nần gì bà H, ông N.

Trước đây ông, bà có khởi kiện đòi nợ đối với ông N, bà H vào năm 2012 tại Tòa án huyện C, nếu ông, bà thật sự có vay tiền của ông N, bà H vào ngày 29/02/2009 thì tại thời điểm đó ông N, bà H đã khai báo để khấu trừ số tiền nợ trên, vì vậy việc ông N, bà H khởi kiện cho rằng ông, bà nợ là hoàn toàn không đúng.

Tại biên bản hòa giải ở ấp ngày 29/8/2022, có mặt ông, bà và ông N, bà H. Ông, bà cũng xác định không nợ bà H, ông N và không biết gì về biên nhận bà H cung cấp, tuy nhiên ông, bà không có đọc kỹ lại biên bản hòa giải do ấp lập.

Ông, bà cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 29/02/2009 do bà H cung cấp.

Nay ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông, bà xác định không nợ nần gì nguyên đơn.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số**: 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ các điều 26, 35, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N.

Buộc ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O cùng trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn N và bà Trần Thị H số tiền nợ là 60.500.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, bị đơn Võ Văn Đ, Nguyễn Thị Hoàng O có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O liên đới trách nhiệm trả 60.500.000 đồng nợ vay.

- Người kháng cáo ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O có cung cấp thêm chứng cứ mới là kết luận giám định xác định tờ biên nhận nợ do phía nguyên đơn cung cấp được viết vào khoảng tháng 9/2021. Không phải viết vào tháng 9/2009 như nguyên đơn trình bày nên kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà O, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O liên đới trách nhiệm trả 60.500.000 đồng tiền nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N với bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật TTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O HĐXX nhận thấy:

- Theo đơn kháng cáo bị đơn Võ Văn Đ, Hồ Thị Hoàng O trình bày, vào năm 2011 vợ chồng ông N, bà H có thiếu tiền nợ hụi và mượn vàng của ông bà nhưng không trả nên bà O đã kiện bà H ra tòa. Kết quả tòa án buộc bà H phải trả cho vợ chồng bà tiền nợ hụi và vàng còn thiếu tổng cộng là 19.090.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Khi giải quyết vụ án này ông N, bà H không hề có ý kiến gì về việc vợ chồng bà còn nợ 60.500.000 đồng để cấn trừ vào số nợ bị thưa kiện, mãi đến hôm nay mới khởi kiện đòi nợ vợ chồng bà là không đúng (bl 66). Tại phần Quyết định của bản án số 04/2012/DS-PT ngày 04/01/2012 của TAND tỉnh Tiền Giang có thể hiện "chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Hoàng O. Buộc chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Hoàng O số tiền hụi là 19.090.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K" (bl 75). Như vậy, vào năm 2011 bà H có nợ bà O tiền hụi và vàng như bản án phúc thẩm đã tuyên. Phía bà H cho rằng khi bị kiện, bà có báo cho tòa án biết vợ chồng bà O còn nợ bà 60.500.000 đồng nhưng tòa giải thích phải nộp đơn khởi kiện riêng. Tuy nhiên, sau khi có kết quả sơ thẩm (năm 2012) cho đến nay đã trên 10 năm bà H mới khởi kiện là trái lẽ thường tình.

- Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Đ, bà O tiếp tục xác định biên nhận bà H cung cấp là giả tạo. Ông, bà có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận đề ngày 29/02/2009 do bà H cung cấp không phải là chữ ký, chữ viết của ông bà nhưng do vợ chồng bà không cung cấp được mẫu chữ ký của ông, bà vào thời điểm năm 2009 để làm mẫu so sánh giám định. Do đó ông, bà thay đổi qua yêu cầu giám định tuổi mực (yêu cầu xác định chữ viết, chữ ký trong biên nhận nợ ngày 29/02/2009 được viết trong thời điểm nào) vì trong giai đoạn sau này (từ khi kiện nhau ra tòa) hai bên không có giao dịch vay, mượn nợ.

- Theo kết quả giám định số 32/2023/TTTVGĐDS ngày 31/7/2023 của Trung Tâm tư vấn giám định thuộc Liên hiệp các hội KH&KT Việt Nam đã kết luận "Chữ viết nội dung cơ bản của giấy "Biên nhận" đề ngày 29/02/2009 giữa bên cho vay là ông Phạm Văn N và bà Trần Thị H, với bên vay là ông Võ Văn Đ và vợ là bà Hồ Thị Hoàng O, nội dung 4 lần vay tiền tổng cộng là 60.500.000 đồng, lãi suất 7% tháng trả lãi sau 3 tháng mỗi lần trả 5 triệu đồng không được viết vào khoảng tháng 3/2009 mà được viết vào khoảng tháng 9/2021. Sai số cộng trừ 3 tháng. Nghĩa là giấy biên nhận nợ nói trên được viết trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2021.

*** Từ các chi tiết trên,** HĐXX nhận thấy: vào năm 2011 bà O có kiện bà H ra tòa để đòi tiền nợ hụi và vàng là đúng sự thật. Nếu ông Đ, bà O thật sự còn nợ tiền vay của vợ chồng ông N, bà H vào ngày 29/02/2009 thì tại thời điểm tranh chấp

năm 2011 ông N, bà H phải khai báo để khấu trừ số tiền nợ trên (hoặc phải khởi kiện vợ chồng bà O, ông Đ đòi số nợ này ngay sau khi có bản án phúc thẩm) mới phù hợp. Ngoài ra phía ông N, bà H xác định ông Đ, bà O mượn số tiền 60.500.000 đồng vào năm 2009 theo biên nhận ngày 29/9/2009. Tuy nhiên, theo kết luận giám định thì biên nhận này được viết vào khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2021 không phải được viết vào tháng 9/2009. Mà trong khoảng thời gian này (từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2021) các bên xác định là không có thực hiện giao dịch vay mượn tiền với nhau nên ý kiến bà O, ông Đ cho rằng biên nhận nợ bà H cung cấp là giả tạo là có căn cứ. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông N bà H là không có cơ sở nên bác. Yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Theo phiếu thu ngày 01/8/2023 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự thì phí giám định là 25.000.000 đồng. Chi phí này bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 161 BLTTDS. Do ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O đã tạm ứng chi phí này nên cần buộc ông N, bà H hoàn trả lại cho ông Đ, bà O.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N về việc yêu cầu ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O có trách nhiệm trả 60.500.000 đồng tiền nợ vay.

2. Về chi phí tố tụng: bà Trần Thị H, ông Phạm Văn N phải hoàn lại cho ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O chi phí tố tụng là 25.000.000 đồng, thời hạn sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: ông Võ Văn Đ và bà Hồ Thị Hoàng O không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại ông Đ và bà O 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã

nhận theo biên lai số 0010842 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông N, bà H phải chịu 3.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 1.512.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010315, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông N, bà H còn phải nộp tiếp 1.513.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân